SERIES 1501
SHEET NC 48-4
EDITION 3

ELEVATION TINTS
MÀU CAO-ĐỘ

METERS / MÉT: 1400, 800, 300, 200, 100, 0

RELIABILITY OF THIS MAP
GIÁ TRỊ TÀI LIỆU CỦA BẢN-ĐỒ NÀY
(as determined by standard practices)

Accuracy, as related to control of map:
Độ chính xác của hệ thống trắc-địa
Horizontal positions ..... within 125 m.
Bình-diện
Contours ..... within 50 m.
Các vòng cao-độ
Latest date of map information 1966-72
Tài-liệu cập bản mới nhất
Horizontal Datum: Indian Datum 1960.
Hệ-thống Trắc-địa Chuẩn Thuộc Hệ-thống Trắc-địa Ấn-Độ 1960
Vertical Datum: Mean Sea Level at Hà Tiên.
Bình-diện Chuẩn: Mặt Biển Trung-bình Tại Hà Tiên

LOCATION DIAGRAM FOR NC 48-4
SƠ-ĐỒ VỊ TRÍ TỜ NC 48-4
(ONC INDEX SHOWN IN BLUE)
(BẢNG TIẾP-HỢP ONC (MÀU XANH)

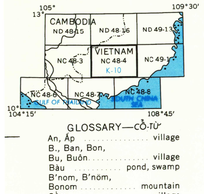

GLOSSARY—CỔ-TỪ

An, Ấp ..... village
B., Ban, Bon, Bu, Buôn ..... village
Bàu ..... pond, swamp
B'nom, B'nôm, Bonom ..... mountain
Cầm ..... village
Da, Dak ..... stream
Dang, Dang ..... mountain
Địa Điểm ..... hamlet
Dinh Điền ..... land development center
Khu Trù-mật ..... agroville
Kon ..... village
Làng ..... village
Núi ..... hill, mountain
Phu, Phủ, Phước ..... village
Phum, Phường, Phường ..... village
Prek ..... stream
Rach ..... stream
S., Sông, Suối, Stœng ..... stream
Srok, Sóc ..... village
Vinh ..... village
X., Xã, Xóm ..... village
Y ..... mountain

GEOREF
TỌA ĐỘ ĐỊA DƯ
BASIC 15° QUADRANGLE
DANH HIỆU VÙNG 15°
VG

MAGNETIC VARIATION FOR 1970 IS APPROXIMATELY 1° 10' WEST OVER THE ENTIRE AREA
NĂM 1970 BIẾN THIÊN TỪ Ở GIỮA BẢN ĐỒ TỪ TÂY BẮC ĐỊA DƯ LÀ 1° 10' TÂY TRÊN TOÀN MIỀN

Prepared and published by the Defense Mapping Agency Topographic Center, Washington, D. C., in cooperation with the National Geographic Directorate, Vietnam. Compiled December 1972.
Do Cơ quan Đồ bản Quốc Phòng Hoa Kỳ, Trung Tâm Địa hình, Washington, D. C. soạn thảo và phát hành với sự cộng tác của Nha Địa Dư Quốc Gia Việt Nam. Điều chỉnh tháng 12-1972.

TERRAIN ELEVATIONS CAO-ĐỘ CỦA ĐẤT
HIGHEST KNOWN elevation is **1890** meters at 11°51'N, 108°02'E
Điểm CAO NHẤT trong bản-đồ này là **1890** mét tọa độ 11°51'8 . 108°02'0

DISTRIBUTION RESTRICTED SEE DOD MAP OR CHART CATALOG FOR GUIDANCE ON RELEASE OUTSIDE THE U. S. GOVERNMENT

PHỔ BIẾN HẠN CHẾ. XIN GỬI THƯ VỀ BỘ TỔNG THAM MƯU QLVNCH HAY BỘ QUỐC-PHÒNG-VNCH ĐỂ XIN CHUYỂN NHƯỢNG BẢN ĐỒ NÀY

SCALE 1:250,000
AN LỘC, VIETNAM; CAMBODIA

SERIES 1501
SHEET NC 48-4
EDITION 3

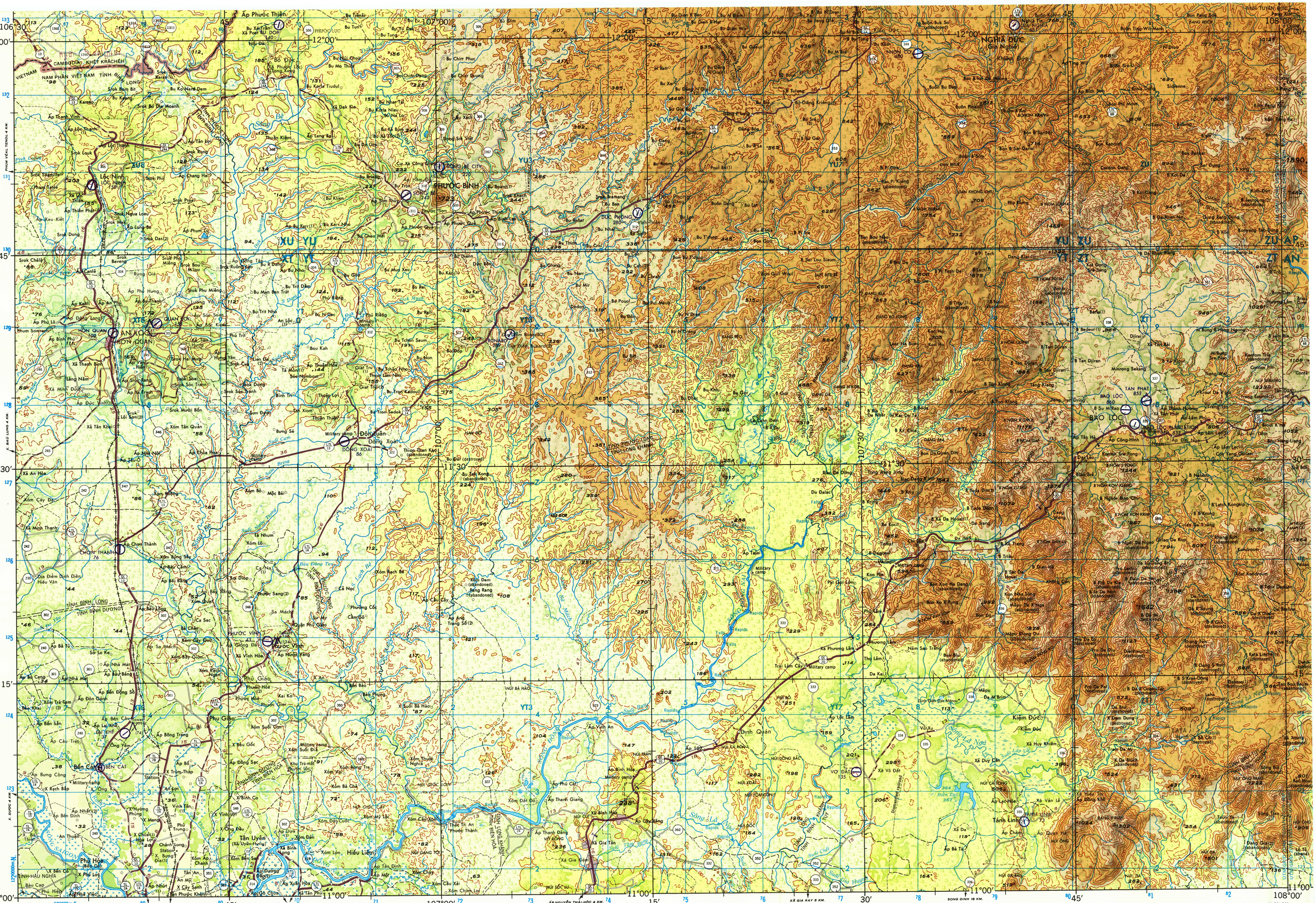
Áp Phước Thiện
CAMBODIA KHOT KRACHEH
VIETNAM
NAM PHẦN VIỆT NAM TỈNH GIA LONG
Lộc Ninh
BỘNG RẾ CITY
PHƯỚC BÌNH
ĐỨC PHÔNG
NGHĨA ĐỨC
AN LỘC
BONAD
ĐỒNG XOÀI
BẢO LỘC
CHƠN THÀNH
PHƯỚC VĨNH
Phú Giáo
Bến Cát
Tân Uyên
Hiếu Liêm
Định Quán
Kiệm Đức
Tánh Linh
Phú Hòa
TỈNH BÌNH LONG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
TỈNH LONG KHÁNH
TỈNH BIÊN HÒA
TỈNH PHƯỚC LỰC
TỈNH LÂM ĐỒNG
TỈNH BÌNH TUY
TỈNH TUYÊN ĐỨC
Military camp
Rapids
Falls
Sông Bé
Sông Đồng Nai
Sông La Ngà
Sông Lá Buông
Sông Sài Gòn
Sông Vàm Cỏ Đông
Suối Nước Trong
Suối Nước Đen
Suối Cam
Suối Ông Đô
Suối Chồi
Suối Vàng Huynh
Suối Cát
Suối Ông Hiệp
Suối Ông Kiu
Suối Ông Tiếp
Suối Ông Thoại
Suối Ông Thiêm
Suối Ông Thiên
Suối Ông Thiên Nhiên
Suối Ông Thiên Nhiên
Suối Ông Thiên Nh